

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HS-ST
Ngày: 28-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yên Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và bà Phan Thị Bích

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến - Thư ký
Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nông Ngọc Tuất - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở TAND khu vực 15 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 20/2026/TLST-HS ngày 13/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HS ngày 27/3/2026 đối với bị cáo:

LÊ THỊ Đ, tên gọi khác: Không. Sinh năm: 1987 tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh L1; Nghề nghiệp: Nguyên là Nhân viên bảo hiểm hiện nay là lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê K, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953, Chồng: Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1980; Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Công ty TNHH M (Việt Nam). Vắng mặt

Địa chỉ: 75 H2, phường T, thành phố H3.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng Th – Chức vụ Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền của bà Th:

- Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1989
- Ông Lê Trường H4, sinh năm 1992
- Ông Bùi Quốc H5, sinh năm 2001

Địa chỉ: 75 H2, phường T, thành phố H3.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Nguyễn Bảo H6**, sinh năm 2008. Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường L, tỉnh L1. Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2019 đến ngày 16/10/2025, Lê Thị Đ và Công ty M ký kết Hợp đồng đại lý bảo hiểm, thực hiện nhiệm vụ làm thư ký và kiêm đại diện đại lý Công ty M tại thị xã La Gi. Trong thời gian làm đại lý bảo hiểm cho Công ty M, Đ có mua một gói bảo hiểm nhân thọ cơ bản của Công ty M cho Đ và 02 con gái là Nguyễn Bảo H6 và Nguyễn Lê Nhã Tr. Nội dung hợp đồng gồm: “Bảo hiểm thanh toán, chi trả trong trường hợp người đóng bảo hiểm tử nạn và nằm viện điều trị nội trú, không chi trả đối với người tham gia bảo hiểm thương tật hoặc khám, chữa bệnh không có nội trú nằm viện. Về quyền lợi bảo hiểm thanh toán trợ cấp y tế cho Lê Thị Đ là 500.000 đồng/1 ngày nằm viện, trợ cấp y tế cho Nguyễn Bảo H6 là 200.000 đồng/1 ngày nằm viện và Nguyễn Lê Nhã Tr là 200.000 đồng/1 ngày nằm viện”.

Trong thời gian làm đại lý bảo hiểm cho Công ty M, vì khó khăn về tài chính nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền chi trả bảo hiểm của Công ty M. Đ từng hỗ trợ làm thủ tục chi trả bảo hiểm cho khách hàng nên Đ thu thập một số giấy ra viện của khách hàng và yêu cầu Nguyễn Bảo H6 sử dụng điện thoại thông minh chỉnh sửa, cắt, ghép một số thông tin giấy ra viện của người khác bằng thông tin của Lê Thị Đ và hai con là Nguyễn Bảo H6 và Nguyễn Lê Nhã Tr nhưng thực tế Đ và hai con không khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi, Trung tâm Y tế huyện Hàm Tân, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận, Bệnh viện Đa khoa An Phước, Bệnh viện Tai mũi họng Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nhân dân 115 Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Từ ngày 05/01/2023 đến ngày 17/01/2025, Đ đã yêu cầu H6 chỉnh sửa tổng cộng 39 Giấy ra viện. Sau đó, Được sử dụng các giấy ra viện đã được chỉnh sửa, tiến hành đề nghị thanh toán trực tuyến trên điện thoại di động để yêu cầu Công ty M thanh toán tiền bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền, tiêu xài cá nhân. Căn cứ các điều khoản bồi thường trong hợp đồng giữa Công ty M và Lê Thị Đ, trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ nhận được yêu cầu, Công ty M thanh toán tiền bảo hiểm và chuyển tiền vào số tài khoản của Đ (tài khoản số 0621000443294 mở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh La Gi). Công ty đã duyệt chi trả vào tài khoản ngân hàng của Đ tổng cộng 31 lần (trên tổng số 39 hồ sơ đề nghị) với tổng số tiền **66.500.000 đồng**, đối với 08 lần đề nghị chi trả không phù hợp, Công ty không giải quyết.

Vật chứng vụ án: 39 bộ hồ sơ thanh toán bảo hiểm đối với khách hàng Lê Thị Đ. Mỗi bộ hồ sơ gồm phiếu báo nợ, tóm tắt nội dung “eClaims”, giấy ra viện, được lưu giữ trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Đ hoàn trả số tiền 66.500.000 đồng chiếm đoạt vào tài khoản số 0100100016327001 mở tại Ngân hàng Phương Đông (OCB) Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty M vào ngày 04/4/2025.

Tại bản cáo trạng số 40b/CT-VKSLĐG-P1 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Lê Thị Đ về tội “Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm” theo điểm c khoản 1 Điều 213 BLHS;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “ Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm”.

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 213 BLHS, Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Đ mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

- Về vật chứng vụ án: Không.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát viện dẫn trong cáo trạng. Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an Công an tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Đ khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại Toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định, bị cáo Lê Thị Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi giả mạo tài liệu, cố ý làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm là hành vi vi phạm pháp luật tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện, cụ thể: Trong thời gian làm đại lý bảo hiểm, và có ký kết hợp đồng bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm M, từ ngày 05/01/2023 đến ngày 17/01/2025, lợi dụng quá trình chi trả tiền bảo hiểm dưới hình thức trực tuyến không chặt chẽ, bị cáo Lê Thị Đ đã yêu cầu Nguyễn Bảo H6 chỉnh sửa thông tin

trên 39 Giấy ra viện của các cơ sở khám chữa bệnh từ thông tin của người khác trở thành thông tin bị cáo và các con của bị cáo, và sử dụng các giấy ra viện đã được chỉnh sửa, nộp hồ sơ trực tuyến đề nghị Công ty M thanh toán tiền bảo hiểm theo các điều khoản trên hợp đồng bảo hiểm mà bị cáo đã ký kết với công ty. Sau khi được Công ty M thanh toán số tiền **66.500.000 đồng**, bị cáo chiếm đoạt và tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 213 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lê Thị Đ về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Lê Thị Đ đã hoàn trả cho công ty M số tiền chiếm đoạt là 66.500.000đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, Hội đồng xét xử không xét.

[4] Đối với 39 bộ hồ sơ thanh toán bảo hiểm đối với khách hàng Lê Thị Đ: Mỗi bộ hồ sơ gồm phiếu báo nợ, tóm tắt nội dung “eClaims”, giấy ra viện là nguồn chứng cứ, cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; Hiện hoàn cảnh gia đình có khó khăn, là lao động chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước và quyền sở hữu tài sản của tổ chức. Bị cáo là người đã thành niên, có trình độ học vấn nhất định, nhận thức được việc làm sai lệch thông tin trong hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm là hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời với cương vị là một người mẹ, bị cáo phải có trách nhiệm làm gương để dạy bảo, giáo dục con cái chấp hành tốt các quy định pháp luật, thế nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã bất chấp pháp luật, bất chấp hậu quả, lôi kéo con giúp sức cho hành vi phạm tội của bản thân, chiếm đoạt tiền chi trả cho quyền lợi bảo hiểm khi phát sinh điều kiện bảo hiểm theo hợp đồng. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, để không những cải tạo, giáo dục chính bị cáo, đồng thời làm gương cho những người khác.

Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính, hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con trong độ tuổi học tập. Do vậy cần xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt bằng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, hành vi gian lận trong kinh doanh bảo hiểm của bị cáo nhằm mục đích vụ lợi, do đó ngoài hình phạt chính cần phạt bổ

sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 213 Bộ luật Hình sự.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự phải khấu trừ thu nhập, tuy nhiên bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, hiện đang nuôi con trong độ tuổi học tập nên miễn áp dụng khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Bảo H6, sinh ngày 10/02/2008 đã trực tiếp sử dụng điện thoại thông minh chỉnh sửa các giấy ra viện, giúp sức cho bị cáo Đ thực hiện trốn lọt hành vi phạm tội. Tuy nhiên, thời điểm H6 bắt đầu thực hiện hành vi đến ngày 09/02/2024, H6 chưa đủ 16 tuổi, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Từ thời điểm 10/02/2024 cho đến ngày tội phạm bị phát hiện, H6 giúp sức cho bị cáo Đ chiếm đoạt của Công ty M số tiền bảo hiểm là 16.000.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi của H6 trong vụ án này là phù hợp.

[8] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 213, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Đ **01 (Một) năm** cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự công an tỉnh Lâm Đồng nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường La Gi giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Căn cứ: Khoản 4 Điều 213 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Lê Thị Đ nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- CA tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 15 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng
- Bị cáo;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Yến Nhi